TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 455/2024/HNGĐ-ST
Ngày 12/12/2024
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Châu.

2. Ông Trần Văn Triều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thư Thái Bình – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 287/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 4378/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 08 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 12493/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 09 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 12596/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 09 năm 2024 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 5888/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tăng Ngọc N, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số A Đường số C khu phố E, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Duong Dylan K, sinh năm 1974; Địa chỉ: 8 W, M, V Australia. (vắng mặt – thực hiện ủy thác tư pháp).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/8/2023 và Bản tự khai ngày 07/12/2023 nguyên đơn bà Tăng Ngọc N trình bày:

Bà và ông Duong Dylan K, là vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 1958/2011 ngày 07/3/2011 của ban G, thuộc Khối thịnh

vượng chung Úc; đã ghi chú kết hôn vào sổ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh số 231/2023 ngày 10/8/2023.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ở bên Úc. Đến năm 2016 hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về lối sống, văn hóa. Năm 2019, bà trở về Việt Nam sinh sống cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt bà khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Duong Dylan K.

Về việc nuôi con: Bà và ông Duong Dylan K không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông Duong Dylan K không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Tăng Ngọc N có đơn xin không tham gia phiên họp hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tòa án đã ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của Úc nơi bị đơn – ông Duong D Khanh cư trú, để tống đạt thông báo về việc thụ lý, ngày mở phiên họp, phiên tòa cho ông Duong Dylan K và yêu cầu ông Duong Dylan K trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Tăng Ngọc N nhưng ông Duong Dylan K không có văn bản trả lời và vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 37; Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa Gia đình và Người chưa thành niên - Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền.

Về nội dung: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 1958/2011 ngày 07/3/2011 của ban G, thuộc Khối thịnh vượng chung Úc; đã ghi chú kết hôn vào sổ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh số 231/2023 ngày 10/8/2023 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Tăng Ngọc N và ông Duong Dylan K là hợp pháp. Xét thấy, giữa bà Tăng Ngọc N và ông Duong Dylan K đã không chung sống thực tế từ lâu, không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được; cả hai sống ở hai nước khác nhau, không liên lạc nên không có khả năng hàn gắn. Tòa án đã ủy thác tư pháp để tống đạt, thông báo về việc thụ lý, ngày mở phiên họp, phiên tòa cho ông Duong Dylan K theo đúng quy định pháp luật. Do đó, việc bà N xin ly hôn là có căn cứ, tự nguyện, không trái quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có cơ sở chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tăng Ngọc N; về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Bà N phải chịu theo quy định pháp luật là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Tăng Ngọc N khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Duong Dylan K đang cư trú tại Úc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa Gia đình và Người chưa thành niên – Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà Tăng Ngọc N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Duong Dylan K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng nên căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Bà Tăng Ngọc N và ông Duong Dylan K.

[3] Về hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 1958/2011 ngày 07/3/2011 của ban G, thuộc Khối thịnh vượng chung Úc; đã ghi chú kết hôn vào sổ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh số 231/2023 ngày 10/8/2023 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Tăng Ngọc N và ông Duong Dylan K là hợp pháp. Bà Tăng Ngọc N và ông Duong Dylan K sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không liên lạc, không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không có tình nghĩa vợ chồng làm cho hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tăng Ngọc N.

[4] Về việc nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Bà Tăng Ngọc N trình bày ba và ông Duong Dylan K không có con chung, tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bà Tăng Ngọc N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 37; khoản 2 Điều 38; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 và khoản 1, khoản 3 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Bà Tăng Ngọc N được ly hôn ông Duong Dylan K.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Tăng Ngọc N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0004176 ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh. Bà Tăng Ngọc N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày đối với bà Tăng Ngọc N và 12 (mười hai) tháng đối với ông Duong Dylan K kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ cho họ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND Tối cao;
- TAND, VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THA Dân sự TP.HCM;
- Các đương sự;
- UBND thành phố Thủ Đức, TP.HCM;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: HSVA, VT (22).

Trần Thanh Minh

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc, 09 giờ 00 ngày 12 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh M

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành C.

2. Ông Trần Văn T.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 287/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tăng Ngọc N, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số A Đường số C khu phố E, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Duong Dylan K, sinh năm 1974; Địa chỉ: 8 W, M, V Australia. USA.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

I. Quan hệ pháp luật cần giải quyết và điều luật áp dụng

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 37; khoản 2 Điều 38; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 và khoản 1, khoản 3 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử thống nhất.

II. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Bà Tăng Ngọc N được ly hôn ông Duong Dylan K,

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử biểu quyết thống nhất.

III. Án phí: Bà Tăng Ngọc N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004176 ngày 06 tháng 11 Hoa Kỳ năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh. Bà Tăng Ngọc N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử biểu quyết thống nhất.

IV. Quyền kháng cáo và các vấn đề khác

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại của Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày đối với bà Tăng Ngọc N và 12 (mười hai) tháng đối với ông Duong Dylan K kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ cho họ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử thống nhất.

Việc nghị án kết thúc lúc 09 giờ 30 phút cùng ngày. Các thành viên Hội đồng xét xử đã đọc và đồng ý ký tên.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**
	Trần Thanh Minh

TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN PHIÊN TÒA SƠ THẨM

Vào hồi 08 giờ 00 phút, ngày 12 tháng 12 năm 2024.

Tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 287/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn".

Vụ án được xét xử công khai.

I. Những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn: Bà Tăng Ngọc N, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số A Đường số C khu phố E, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Duong Dylan K, sinh năm 1974; Địa chỉ: 8 W, M, V Australia. USA (vắng mặt – thực hiện ủy thác tư pháp)

II. Những người tiến hành tố tụng:

Chủ tọa phiên tòa – Thẩm phán: Ông Trần Thanh M

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành C.

2. Ông Trần Văn T.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thư Thái B.

Kiểm sát viên: Bà Hồ Thị Thanh H

III. Phần thủ tục bắt đầu phiên tòa:

1. Chủ tọa phiên tòa tuyên bố khai mạc phiên tòa và đọc Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

2. Thư ký phiên tòa báo cáo Hội đồng xét xử về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập và lý do vắng mặt.

3. Hội đồng xét xử xem xét, nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

4. Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Theo đơn khởi kiện ngày 18/8/2023 và Bản tự khai ngày 07/12/2023 nguyên đơn bà Tăng Ngọc N trình bày:

Bà và ông Duong Dylan K, là vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 1958/2011 ngày 07/3/2011 của ban G, thuộc Khối thịnh vượng chung Úc; đã ghi chú kết hôn vào sổ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh số 231/2023 ngày 10/8/2023.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ở bên Úc. Đến năm 2016 hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về lối sống, văn hóa. Năm 2019, bà trở về Việt Nam sinh sống cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt bà khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Duong Dylan K.

Về việc nuôi con: Bà và ông Duong Dylan K không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông Duong Dylan K không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Tăng Ngọc N có đơn xin không tham gia phiên họp hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tòa án đã ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của Úc nơi bị đơn – ông Duong D Khanh cư trú, để tống đạt thông báo về việc thụ lý, ngày mở phiên họp, phiên tòa cho ông Duong Dylan K và yêu cầu ông Duong Dylan K trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Tăng Ngọc N nhưng ông Duong Dylan K không có văn bản trả lời và vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 37; Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa Gia đình và Người chưa thành niên - Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền.

Về nội dung: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 1958/2011 ngày 07/3/2011 của ban G, thuộc Khối thịnh vượng chung Úc; đã ghi chú kết hôn vào sổ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh số 231/2023 ngày 10/8/2023 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Tăng Ngọc N và ông Duong Dylan K là hợp pháp. Xét thấy, giữa bà Tăng Ngọc N và ông Duong Dylan K đã không chung sống thực tế từ lâu, không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được; cả hai sống ở hai nước khác nhau, không liên lạc nên không có khả năng hàn gắn. Tòa án đã ủy thác tư pháp để tống đạt, thông báo về việc thụ lý, ngày mở phiên họp, phiên tòa cho ông Duong Dylan K theo đúng quy định pháp luật. Do đó, việc bà N xin ly hôn là có căn cứ, tự nguyện, không trái quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có cơ sở chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tăng Ngọc N; về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Bà N phải chịu theo quy định pháp luật là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng)

Chủ tọa tuyên bố Hội đồng xét xử nghị án.

IV. Tuyên án:

Hội đồng xét xử vào phòng nghị án để nghị án.

Sau khi nghị án Hội đồng xét xử quay trở lại phòng xét xử.

Chủ tọa thay mặt Hội đồng xét xử tuyên án như bản án gốc đã được Hội đồng xét xử thông qua tại phòng nghị án.

Biên bản phiên tòa kết thúc vào lúc 10 giờ 20 phút cùng ngày.

Thư ký phiên tòa	Thẩm phán chủ tọa phiên tòa
Vũ Thư Thái Bình	**Trần Thanh Minh**